TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-PT
Ngày: 12/01/2026
"V/v tranh chấp di sản thừa kế, xác định tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà
Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường
2. Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Giáp - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Amh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2025/TLPT-DS ngày 06/10/2025, về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế, xác định tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2025/QĐ-PT ngày 01/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số: 391/2025/QĐ - PT ngày 22/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Phạm Thị T. Địa chỉ: Số C T, phường P, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Ánh . Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bà Phạm Thị Bích T1 *(tên gọi khác: Phạm Thị Bình T2)*. Địa chỉ: Thôn T, phường A, tỉnh Gia Lai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á: Ông Nguyễn Tiến T3 - Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Thị Ngọc D. Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc D: Ông Phạm Ngọc H. Địa chỉ: Số C tổ dân phố Q, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Ông Phạm Ngọc H. Địa chỉ: Số C tổ dân phố Q, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngoc H1:* Ông Tạ Quang T4 - Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số B H, phường B, Đắk Lắk - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện C.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Việt H2; Địa chỉ: Số A H, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Phạm Trung K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ (Nay là Sở N3).

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thế N. Địa chỉ: Số A H, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Ông Phạm Ngọc C. Địa chỉ: Số B B, phường S, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt.

- Ông Phạm Ngọc Q. Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Ái L. Địa chỉ: Số A M, phường S, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H3. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Ngọc G - Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị P - Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H4 - Vắng mặt.

- Ông Phạm Ngọc P1 - Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trần Thị M. Địa chỉ: Số C tổ dân phố Q, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bà Phạm Thị Kiều N1. Địa chỉ: Tổ C, khu phố G, phường L, tỉnh Đồng Nai - Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á và bị đơn ông Phạm Ngọc H

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á là con của ông Phạm X (sinh năm 1935, chết ngày16/02/2008) và bà Nguyễn Thị T5 (sinh năm 1936, chết ngày 11/12/2013).

Ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T5 sinh được 09 người con, gồm:

1. Ông Phạm Ngọc C, sinh năm: 1955

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1958

3. Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1961, chết năm 1981, chết trước khi ông X, bà T5 chết.

4. Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1963

5. Ông Phạm Ngọc T6, sinh năm 1965, chết năm 2011.

6. Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1968

7. Ông Phạm Ngọc B, sinh năm: 1971, chết trước ông X, bà T5.

8. Bà Phạm Thị Bình T2, sinh năm: 1973

9. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm: 1975

Ông X, bà T5 lập nghiệp tại xã E, huyện C (nay thuộc xã Q), tỉnh Đắk Lắk, tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 8.900m^2, đất trồng cà phê.

+ Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2, đất màu.

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.100m^2, đất trồng cà phê.

+ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.200m^2, trong đó 400m^2 đất ở và 1.800m^2 đất trồng cà phê. Trên đất có 01 ngôi nhà gỗ lợp tôn có diện tích 78m^2.

Tất cả 04 thửa đất trên tọa lạc tại thôn E, xã E (nay là thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 ngày 19/12/2001.

Ngoài ra, ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 còn tạo lập được 01 lô đất thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 14, diện tích 16.437,1m2, đất trồng cà phê tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2001, khi ông X, bà T5 còn khỏe mạnh, thời điểm này UBND xã E, huyện C thông báo cho các hộ được đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, ông Phạm Ngọc H là con út trong gia đình và sống cùng bố mẹ nên ông X, bà T5 đã đồng ý cho ông Phạm Ngọc H được đi đăng ký kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14. Còn ông X, bà T5 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 104, 101, 96, tờ bản đồ số 12 và thửa số 41, tờ bản đồ số 11.

Ngày 17/7/2007, ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 đã lập di chúc chung để định đoạt, phân chia tài sản cho các con cháu sau khi ông X, bà T7 qua đời. Cụ thể, để lại cho các con Phạm Thị T, Phạm Thị Á, Phạm Ngọc T6, Phạm Thị Bình T2 và các cháu nội Phạm Thị Ái L (con của ông Phạm Ngọc Đ), Phạm Ngọc Q (con của ông Phạm Ngọc C) mỗi người được hưởng 1.000m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 41, tờ bản đồ số 11.

Riêng bà Phạm Thị Ngọc D được thừa hưởng toàn bộ số đất đai, nhà ở gồm:

+2.900m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 41, tờ bản đồ số 11

+ 1.530m^2 đất màu tại thửa số 96, tờ bản đồ số 12.

+3.100m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 101, tờ bản đồ số 12.

+ 2.200m^2 đất khu dân tại thửa số 104, tờ bản đồ số 12, trong đó có 01 ngôi nhà gỗ lợp tôn, diện tích sử dụng 78m^2 (do bà D bị tàn tật).

Đối với ông Phạm Ngọc H, do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 đã cho đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 89, tờ bản đồ số 12 nên trong Di chúc ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 không chia phần cho ông Phạm Ngọc H nữa.

Giấy di chúc do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 lập thành 10 bảng được UBND xã Q, huyện C gar chứng thực, giao cho mỗi thành viên trong gia đình 01 bản, 01 bản được lưu giữ tại UBND xã Q, huyện C.

Ngày 16/02/2008, ông Phạm Xoa C1 do bệnh. Ngày 11/12/2013, bà Nguyễn Thị T5 chết do bệnh, già yếu.

Sau khi ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 chết, do bà Phạm Thị Ngọc D bị tàn tật nên các thành viên trong gia đình và có tên trong Di chúc chưa yêu cầu phân chia di sản của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 để lại mà vẫn để cho bà Phạm Thị Ngọc D quản lý để làm ăn sinh sống.

Năm 2018, khi bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á đề đạt nguyện vọng muốn chia di sản do ông X, bà T5 theo di chúc thì bà Phạm Thị Ngọc D không chấp nhận phân chia và muốn giành hết toàn bộ di sản trên.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người đã được chỉ định hưởng di sản thừa kế theo di chúc, nay bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 theo di chúc. Cụ thể, chia cho bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á mỗi người được hưởng 1.000m^2 đất trồng cà phê thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 11, tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/6/2018, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á có đơn khởi kiện sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m2 thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T1 trình bày:**

Về tài sản do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 tạo lập, mối quan hệ trong gia đình ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 thì bà T1 trình bày giống với phần trình bày của bà Đinh Thị V là người đại diện của bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Ánh .

Về vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết, để đảm bảo quyền lợi của bà T1, bà T1 đề nghị Tòa án phân chia di sản của ông X, bà T5 theo di chúc, cụ thể chia cho bà T1 được hưởng 1.000m2 đất trồng cà phê thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 11, tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/6/2018, bà Phạm Thị Bích T1 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:**

Cha của ông Phạm Ngọc H là ông Phạm Xoa .1 Năm 2008, ông Phạm X qua đời. Mẹ của ông Phạm Ngọc H là bà Nguyễn Thị T5. Năm 2013, bà T5 qua đời. Trong thời gian còn sống, ông X mắc bệnh ung thư phổi, bà T5 mắc bệnh tim phải thường xuyên nằm viện, trong thời gian mắc bệnh, ông H là người thường xuyên đi nuôi mẹ. Cha mẹ của ông H sinh được 09 người con và thống nhất như các nguyên đơn đã trình bày.

Ngày 25/12/1978, gia đình ông H đi kinh tế mới từ Quận C, Đà Nẵng chuyển đến Buôn T, Lâm trường Cư M'gar, nay là thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Còn anh chị lần lượt lập gia đình.

Đến cuối năm 1992, thì gia đình ông còn lại 04 người. Cha mẹ ông H, bà D và ông H, thời điểm này mẹ ông H mắc bệnh hiểm nghèo.

Ngày 19/11/2001, nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 có diện tích 15.730m^2 cho hộ Phạm Xoa gồm có 04 khẩu là Phạm X, Nguyễn Thị T5, Phạm Thị Ngọc D và Phạm Ngọc H. Tổng số thửa đất là 04 thửa.

+Thửa đất số 101, diện tích 1.530m^2.

+ Thửa đất số 96, diện tích 3.100m^2 khai hoang từ năm 1978 đến đầu năm 1979.

+ Thửa đất số 103, diện tích 2.200m^2, khai hoang năm 1992.

+ Thửa đất số 41, diện tích 8.900m2 trước đây là đất của Lâm trường Cư M'gar. Năm 1993, Lâm trường giải thể nên bỏ hoang lô đất này. Năm 1994, ông H là lao động chính khai hoang ra lô đất trên. Ngoài 04 thửa đất trên, còn có 04 sào ruộng nước tại đầm voi và đã bán vào năm 2006.

Ông H là con trai út, cha mẹ già yếu, bị bệnh hiểm nghèo, chị tàn tật, còn những anh chị khác đã ở riêng nên ông H là lao động chính góp công nhiều nhất vào việc tạo lập ra khối tài sản chung của hộ gia đình. Tài sản trên đất là do phần lớn công sức của ông H tạo lập. Sau khi được nhận phần tài sản trên thì ông H tặng lại cho bà Phạm Thị Ngọc D để duy trì cuộc sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ý kiến của ông H không đồng ý chia toàn bộ quyền sử dụng đất theo như di chúc của ông X, bà T5 mà chỉ đồng ý chia 50% diện tích đất. Về ý kiến của ông H đối với việc yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông H yêu cầu được hưởng 25% trên tổng diện tích đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á, bà Phạm Thị Bình T2 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông X, bà T5 là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.500m^2, trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019059 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Ngọc H thì ý kiến của ông H là không đồng ý.

Ông H cho rằng từ năm 1993 đến năm 1999, ngoài việc làm kinh tế gia đình tại thôn H, xã Q, cá nhân ông có khai hoang được thửa đất có diện tích là 15.500m^2, đã được chính quyền địa phương công nhận vào ngày 07/10/2001. Đến ngày 19/12/2001, nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019059, diện tích 15.500m2 cho ông với số nhân khẩu được cấp là 01 khẩu. Thửa đất trên ông quản lý, canh tác và sử dụng từ đó cho đến nay. Ông khẳng định thửa đất là tài sản của cá nhân ông, không liên quan đến ông bà Phạm X và những người khác trong gia đình. Hiện nay 02 thửa đất đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14, diện tích 10.310,4m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM230941 do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Đ cấp ngày 23/7/2018 cho hộ ông Phạm Ngọc H; Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.161,4m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liễn với đất số CM230940 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/7/2018 cho hộ ông Phạm Ngọc H.

Ngày 19/2/2020 ông H có đơn khởi kiện đề nghị chia cho ông 25% trong khối tài sản chung là các tài sản mà ông X, bà T5 để lại thừa kế.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:**

Bà là con của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5, về các người con và cháu của ông X, bà T5 thì bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Năm 1978, ông X, bà T5 cùng các con từ Quảng Nam lên Đắk Lắk đi kinh tế mới. Khi đến xã E được Nhà nước chia cho khoảng 500m2 đất, còn lại ông bà và các anh chị em trong gia đình tiến hành phát hoang. Phần diện tích đất này được kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Xoa .1 Phần diện tích đất này khi ông X, bà T5 còn sống, em trai út là Phạm Ngọc H đang sống cùng cha mẹ đã trồng tiêu, cà phê trên diện tích đất này. Căn nhà gỗ hiện tại bà D đang ở là nhà trước đây khi ông X, bà T5 còn sống đã tạo lập nên. Toàn bộ tài sản này hiện nay do bà D trực tiếp quản lý.

Đối với Giấy di chúc do ông X, bà T5 lập ngày 17/7/2007 có xác nhận của UBND xã Q thì bà D không đồng ý với bản di chúc này.

Bà D sống cùng ông X, bà T5 nên khi chết thì bà D là người trực tiếp đứng ra mai táng cho ông X, bà T5, chi phí cụ thể thì bà D không nhớ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà D không đồng ý, bà D có yêu cầu được hưởng 1/4 tổng diện tích đất là 3.932,5m^2.

*** Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc C trình bày:**

Ông là con của ông Phạm X (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5 (đã chết). Ông X, bà T5 có các người con là Phạm Ngọc C (SN: 1955); Phạm Thị T (SN: 1958); Phạm Ngọc Đ (chết); Phạm Thị Á (SN: 1963), Phạm Ngọc T6 (chết); Phạm Thị Ngọc D (SN: 1968); Phạm Ngọc B (chết); Phạm Thị Bình T2 (SN: 1973) và Phạm Ngọc H (SN: 1975).

Ba mẹ ông chết để lại di chúc hay không thì ông không được biết. Theo ông thì không có bản di chúc nào cả vì nếu có thì ông là con trai đầu phải biết.

Còn tài sản cha mẹ ông để lại thì ông không nắm rõ. Về nội dung trong giấy di chúc mà bà T giao nộp cho Tòa án thì ông không đồng ý vì thực tế không rõ bản di chúc này có đúng sự thật hay không.

Đối với 15.500m^2 đất đăng ký kê khai đứng tên của hộ ông Phạm Ngọc H. Hiện nay do ông H đang quản lý, đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án chia theo pháp luật thì ông không đồng ý vì ông được biết tài sản này không phải của ba mẹ ông mà là của ông H tự khai hoang nên việc hộ ông H đứng tên quản lý là đúng.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị M trình bày:**

Năm 2005, bà kết hôn với ông Phạm Ngọc H. Từ khi kết hôn đến nay, chồng bà là ông H quản lý, canh tác và sử dụng thửa đất diện tích 15.500m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019059. Thửa đất này do chồng bà khai hoang từ năm 1993, đến năm 2001 được nhà nước cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất với số nhân khẩu là 01 khẩu nên là tài sản riêng của chồng bà trước hôn nhân. Về việc nguyên đơn yêu cầu chia thửa đất thì bà không đồng ý phân chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H3 trình bày:**

Bà là vợ của ông Phạm Ngọc T6, là con dâu của ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T5. Ông Phạm Ngọc T6 chết vào năm 2011, chết sau ông Phạm X và chết trước bà Nguyễn Thị T5. Ông T6 chết không để lại di chúc, khi còn sống, ông T6 không biết gì về di chúc của ông X, bà T5 do đó cũng không đề cập gì đến di sản được thừa hưởng của ông X, bà T5. Bà và ông T6 có 04 người con là Phạm Thị Ngọc G (Sinh năm: 1986); Phạm Thị P (Sinh năm: 1989); Phạm Thị H4 (Sinh năm: 1991) và Phạm Ngọc P1 (Sinh năm: 1994). Ông Phạm Ngọc H là con út của ông X, bà T5 sống chung với ba mẹ, đến năm 2005 thì lấy vợ. Trong quá trình chung sống với ba mẹ thì ông H là lao động chính và đã tự khai hoang được một số đất và sau này ông H đã đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất này là của riêng ông H và không liên quan đến tài sản của ông X, bà T5. Đối với phần yêu cầu phân chia di sản theo di chúc ông Phạm Ngọc T6 đã được chia 01 sào, bà H3 xin nhận, còn việc sử dụng như thế nào do mẹ con bà H3 quyết định. Đối với yêu cầu phân chia di sản theo pháp luật bà H3 không có ý kiến gì.

*** Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc P1 trình bày:**

Tôi là con ông Phạm Ngọc T6, cháu nội của ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T5. Trước khi ông nội mất có để lại di chúc cho bố 1.000m, giờ bố mất năm 2011, anh muốn nhận phần di chúc đó. Hiện nay anh làm ăn xa nên xin được vắng mặt.

*** Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc Q trình bày:**

Anh Q là cháu nội của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5. Trong di chúc ông, bà có cho anh Q 1.000m2 đất trồng cà phê anh Q xin nhận và để cho cô là bà Phạm Thị Ngọc D vì bà D tàn tật, đau ốm mắc nhiều bệnh, cho bà D làm đến cuối đời, khi nào chết đi thì anh Q nhận lại 1.000m^2 để canh tác.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kiều N1 trình bày:**

Chị là con của ông Phạm Ngọc B và bà Nguyễn Thị N2, là cháu nội của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5. Ông Phạm Ngọc B chết năm 1994, chết trước ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5. Nay các nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á, bà Phạm Thị Bình T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 để lại thì chị đồng ý với ý kiến trình bày của các nguyên đơn. Trong trường hợp chị được nhận thừa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 để lại theo quy định của pháp luật thì chị đồng ý nhận và đề nghị Tòa án phân chia cho chị bằng tiền. Chị đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do Tòa án tiến hành. Chị không yêu cầu Tòa án thẩm định, định giá lại tài sản.

Do bận công việc và ở xa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và Tòa án các cấp có thẩm quyền giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:**

Về trình tự thủ tục: Thửa đất số 114,115 tờ bản đồ số 21, diện tích 15.500m^2 tại xã Q được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Phạm Ngọc H.

Ngày 15/10/1999 ông Phạm Ngọc H nộp đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.500m^2 có mục đích sử dụng: khu dân cư ổn định và thửa đất số 115 tờ bản đồ số 21 diện tích 10.000m^2 có mục đích sử dụng là cà phê; 02 thửa đất có nguồn gốc sử dụng tự khai phá vào năm 1993, sau năm 1998 được UBND xã E nay là UBND xã Q tổ chức họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản họp xét hồ sơ dăng ký đất đai, thông báo về việc công khai hồ sơ đất, biên bản xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã ký xác nhận vào danh sách đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/10/2001 là đồng ý cấp.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã E ngày 11/11/2001 phòng Nông nghiệp địa chính huyện Cư M'gar có tờ trình số 87/TT-NNĐC về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có hồ sơ của ông Phạm Ngọc H)

Sau khi xem xét từ những hồ sơ, tài liệu được phòng nông nghiệp địa chính trình đề nghị. Ngày 19/12/2001 UBND huyện C ban hành quyết định số 1341/QĐ-UB về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc H tại xã E tại thửa số 114, 115 tờ bản đồ 21, diện tích 15.500m^2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Quá trình xem xét thẩm định, định giá tài sản thể hiện:

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 9.448,7m^2, tài sản trên đất gồm có: 970 cây cà phê, 01 giếng nước.
- Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2, 35 cây điều
- Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.690m^2, tài sản trên đất gồm có: 157 cây hồ tiêu, 167 cây cà phê, 01 cây sầu riêng, 07 cây điều.
- Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.403,9m^2, tài sản trên đất gồm có: cây hồ tiêu 68, 16 cây điều, 04 cây sầu riêng, 01 xây chôm chôm, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây sapuche, 01 nhà gỗ, 01 giếng nước do bà D quản lý 01 căn nhà xây cấp 4, chuồng dê, 01 giếng nước do anh Phạm Ngọc Q quản lý.
- Thửa đất số 114, 115 tờ bản đồ số 21, diện tích 16.151,2m^2, tài sản trên đất gồm có: 350 cây hồ tiêu, 890 cây cà phê, 41 cây điều, 02 cây bơ, 01 cây 01 giếng khoan.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với nhau giá thị trường tại thời điểm xét xử khoảng 100.000.000 đồng/1.000m^2 không bao gồm tài sản trên đất đối với các thửa đất số 41, 96, 101, 104. Đối với thửa đất số 114, 115 thì giá thị trường tại thời điểm xét xử khoảng 150.000.000 đồng/1.000m^2 không bao gồm tài sản trên đất.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế của ông X, bà T5 là 50% quyền sử dụng của các diện tích đất theo di chúc ngày 17/7/2007 của ông X, bà T5. Đối với diện tích đất 15.500m^2 đứng tên hộ ông Phạm Ngọc H đề nghị chia 50% quyền sử dụng diện tích đất này theo pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày ông không biết cha mẹ có để lại di chúc nên di chúc này là không có thật do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với diện tích đất 15.500m2 đứng tên của ông thì đây là đất của ông, do ông canh tác và nộp thuế từ trước cho đến nay nên ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản là 50% quyền sử dụng diện tích đất này. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk quyết định:

Tuyên xử:

[1] - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á, bà Phạm Thị Bích T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 để lại theo di chúc ngày 17/7/2007.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H, bà Phạm Thị Ngọc D về việc xác định tài sản của ông, bà trong khối tài sản chung của hộ gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á, bà Phạm Thị Bích T1 về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 là 50% quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 16.151,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230940, diện tích đất 5.161,4m^2 thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230941, diện tích 10.310,4m^2, thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14, cấp cho hộ ông Phạm Ngọc H.

[2] - Tuyên bố Di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vô hiêu một phần.

- Ông Phạm Ngọc H, bà Phạm Thị Ngọc D mỗi người có quyền sở hữu 25% trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa đất sau: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11 diện tích 9448,7m^2; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.690m^2; thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.403,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X

[3] Xác định di sản của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 bao gồm:

- Ông Phạm X, Nguyễn Thị T5 có 50% di sản thừa kế trong: Diện tích 9448,7m^2 thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11; diện tích 1.530m^2 thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12; diện tích 3.690m^2, thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12; diện tích 2.403,9m^2, thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số U019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Xoa .1

- Ông Phạm X, Nguyễn Thị T5 có 50% di sản thừa kế trong: Diện tích đất 5.161,4m^2 thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230940 và diện tích 10.310,4m^2 thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230941 cấp cho hộ ông Phạm Ngọc H

[4] Di sản được chia bằng giá trị và hiện vật như sau:

- Giao cho bà Phạm Thị Ngọc D được quyền sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 9448,7m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 970 cây cà phê, 01 giếng nước; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 35 cây điều; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.690m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 157 cây hồ tiêu, 167 cây cà phê, 01 cây sầu riêng, 07 cây điều; thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.403,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm cây hồ tiêu 68, 16 cây điều, 04 cây sầu riêng, 01 xây chôm chôm, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây sapuche, 01 nhà gỗ, 01 giếng nước; 01 căn nhà xây cấp 4, chuồng dê, 01 giếng nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X

- Giao cho ông Phạm Ngọc H được quyền sử dụng các thửa đất sau: thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.161,4m^2 và thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14, diện tích 10.310,4m^2 thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và toàn bộ tài sản trên đất gồm: có: 350 cây hồ tiêu, 890 cây cà phê, 41 cây điều, 02 cây bơ, 01 cây 01 giếng khoan, đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230941 diện tích 10.310,4m^2, tờ bản số 14 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230940 diện tích 5.161,4m^2 ngày 23/7/2018 cho hộ ông Phạm Ngọc H

- Bà Phạm Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán cho: Bà Phạm Thị T, Phạm Thị Á, Phạm Thị Bích T1 mỗi người số tiền 53.100.000 đồng; các con của ông Phạm Ngọc T6 gồm: Ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc P1, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị G số tiền 53.100.000 đồng

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho: Ông Phạm Ngọc C, bà Phạm Thị T, Phạm Thị Á, Phạm Thị Bích T1, bà Phạm Thị Ngọc D mỗi người số tiền 134.595.000 đồng.

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho con của ông Phạm Ngọc Đ: Bà Phạm Thị Ái L số tiền 134.595.000 đồng

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho con của ông Phạm Ngọc B: Bà Phạm Thị Kiều N1 số tiền 134.595.000 đồng

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho các con của ông Phạm Ngọc T6 gồm: Ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc P1, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị G số tiền 134.595.000 đồng

Bà Phạm Thị Ngọc D và ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2025, nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật, trong trường hợp diện tích đất phân chia cho mỗi thừa kế không đủ để tách thửa theo quy định thì đề nghị Tòa án phân chia gộp phần của bà T và bà Á với nhau; Trong trường hợp vẫn chia bằng tiền thì đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại cho phù hợp với giá thị trường.

Ngày 09/7/2025, ông Phạm Ngọc Hòa H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 02 thửa đất số 114, 115, tờ bản đồ số 21 nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 230940 và CM 230941 cho ông H vào năm 2001.

Tại Quyết định kháng nghị số: 01/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và kháng cáo; Bị đơn ông Phạm Ngọc H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì có đủ căn cứ xác định việc phân chia di sản thừa kế của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 cho bà Phạm Thị T, Phạm Thị Ánh B1 giá trị là phù hợp; Việc thẩm định, định giá tài sản là đúng quy định và việc xác định diện tích 15.500m² tại các thửa đất số 114, 115 là tài sản riêng của ông Phạm Ngọc H không thuộc di sản thừa kế. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bà Phạm Thị T, Phạm Thị Á; Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngọc H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk, Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á và bị đơn ông Phạm Ngọc H làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và phiên tòa được mở lại lần thứ 2, các đương sự đã được tống đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Á, Hội đồng xét xử xét thấy: Di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là hợp pháp. Tuy nhiên, xét thời điểm hộ ông Phạm X được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phạm X ngày đề ngày 15/10/1999 được Ủy ban nhân dân xã E và Phòng Nông nghiệp Địa chính huyện Cư M'gar xác nhận thể hiện hộ ông Phạm X xin cấp gồm 04 khẩu gồm: ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc H. Mặt khác, tại các văn bản gồm: Quyết định cấp đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện ai được hưởng bao nhiêu phần trong khối tài sản chung trên nên mỗi người được xác định có phần quyền bằng nhau là 25% trong khối tài sản chung trên. Tổng phần quyền tài sản của ông X, bà T5 trong khối tài sản chung là 50% nên yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản của ông X, bà T5 trong khối tài sản chung được cấp cho hộ ông Phạm X theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 là có căn cứ. Việc Toà án cấp sơ thẩm không chia hiện vật cho những người thừa kế vì di sản thừa kế được chia cho những người nhận thừa kế đều nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định tại Quyết định số: 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định thì thửa đất mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 1.000m^2 nên cần phải tính bằng giá trị để chia cho những người được hưởng thừa kế trong đó có bà Phạm Thị T, Phạm Thị Á là có cơ sở, phù hợp với nhu cầu sử dụng đất thực tế và đảm bảo quyền lợi lâu dài của các đồng thừa kế nên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định, định giá lại tài sản cho phù hợp với giá thị trường thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm các đương sự đã thoả thuận và thống nhất với nhau giá thị trường tại thời điểm xét xử 100.000.000 đồng/1.000m^2 không bao gồm tài sản trên đất đối với các thửa đất số 41, 96, 101, 104 và kết quả định giá được thực hiện theo đúng quy trình quy định, đảm bảo tính khách quan tại thời điểm giải quyết nên việc định giá lại là không cần thiết và gây kéo dài vụ án.

[3] Xét Quyết định kháng nghị số: 01/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk và kháng cáo của ông Phạm Ngọc H Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc các thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.500m^2 và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số U 019059 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Ngọc H, đến ngày 23/7/2018 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230941 diện tích 10.310,4m^2 và số CM230940 diện tích 5.161,4m^2 do ông H khai hoang, quản lý, sử dụng ổn định trong thời gian dài, đồng thời ông H là người đóng nghĩa vụ tài chính hàng năm theo yêu cầu của chính quyền địa phương và không phát sinh tranh chấp với ai. Ngoài ra, anh chị em ruột trong gia đình gồm: bà D, ông C và bà H3 đều thừa nhận các thửa đất trên là tài sản riêng của ông H nên kháng cáo của ông Phạm Ngọc H và Kháng nghị của Viện kiểm sát về việc xác định tài sản riêng đối với các thửa đất 114, 115 là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị và kháng cáo của ông Phạm Ngọc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đắk Lắk theo hướng phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị T và Phạm Thị Á là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị Ánh .

- Chấp nhận một phấn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk và một phần kháng cáo của ông Phạm Ngọc H - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2026/DS-ST ngày 03/7/2025 của TAND Khu vực 3 - Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố Di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vô hiêu một phần.

- Ông Phạm Ngọc H, bà Phạm Thị Ngọc D mỗi người có quyền sở hữu 25% trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa đất sau: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11 diện tích 9448,7m^2; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.690m^2; thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.403,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X

[2] Xác định di sản của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T5 bao gồm: Ông Phạm X, Nguyễn Thị T5 có 50% di sản thừa kế trong: Diện tích 9448,7m^2 thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11; diện tích 1.530m^2 thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12; diện tích 3.690m^2, thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12; diện tích 2.403,9m^2, thửa

đất số 104, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Xoa .1

Di sản được chia bằng giá trị và hiện vật như sau:

- Giao cho bà Phạm Thị Ngọc D được quyền sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 9448,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U019614 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 970 cây cà phê, 01 giếng nước; thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 35 cây điều; thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.690m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 157 cây hồ tiêu, 167 cây cà phê, 01 cây sầu riêng, 07 cây điều; thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.403,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm cây hồ tiêu 68, 16 cây điều, 04 cây sầu riêng, 01 xây chôm chôm, 01 cây vú sữa, 02 cây bơ, 01 cây sapuche, 01 nhà gỗ, 01 giếng nước; 01 căn nhà xây cấp 4, chuồng dê, 01 giếng nước. - Bà Phạm Thị Ngọc D có trách nhiệm thanh toán cho: Bà Phạm Thị T, Phạm Thị Á, Phạm Thị Bích T1 mỗi người số tiền 53.100.000 đồng; các con của ông Phạm Ngọc T6 gồm: Ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc P1, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị G số tiền 53.100.000 đồng

[3] Xác định diện tích đất 5.161,4m^2 thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230940 và diện tích 10.310,4m^2 thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM230941 cấp cho hộ ông Phạm Ngọc H (trước đây là thửa đất 114, 115 tờ bản đồ số 21) là tài sản riêng của ông Phạm Ngọc H (không thuộc di sản thừa kế).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị T và Phạm Thị Á là người cao tuổi nên được miễn án phí.
- Ông Phạm Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Ngọc H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu số 0005014 ngày 09/7/2025.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 3 Đắk Lắk;
- Phòng THADS 3 Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu.

Bùi Quốc Hà